

NAME:.....

Grade: 6



Unit 2

MY HOME





Unit 2

MY HOME

A. PHONETICS

Task 1: Find the word which has a different sound in the underlined part.

1. A. schools B. shops C. pets D. carts
2. A. pens B. closets C. sweets D. lamps
3. A. rulers B. pencils C. bags D. books
4. A. matches B. makes C. brushes D. peaches
5. A. bees B. cupboards C. watches D. bedrooms

B. VOCABULARY AND GRAMMAR

Task 2: Look at the pictures and complete the blanks.

bedroom

cupboard

lamp

living room

chair

bathroom

kitchen

garage

sofa

wardrobe



1.....

2.....

3.....

4.....



5.....

6.....

7.....

8.....

Task 3: Use the given words to complete the sentences.

Sofa	sinks	light	vase	bathroom scales
blanket	toilet	cooker	poster	ceiling fan

1. It's cold here. Are there any
1. I'm a bit stomachache. Where is the
2. How hot the weather is ! Turn on the , please.
3. Are there any on the wall? – No, So the wall looks boring.
4. I need to wash my face. Are there any in the bathroom?
5. Take a seat on theover there. I will make you a cup of coffee.
6. How do we cook boiled sticky rice ? – We can use the to cook it.
7. It's so dark there. Turn on the, please.
8. Look! The flowers are so beautiful! – Yes, bring me a I am going to arrange them.
9. Stand on theplease. Look ! 53 kilograms!



Unit 2

MY HOME

Task 4: Complete the sentences with There is/ There are.

- _____ 25 students in the class.
- _____ a big wardrobe in my sister's room.
- _____ a computer and a TV in my room.

Task 5: Use the words to write positive (+) and negative (-) sentences and questions (?)

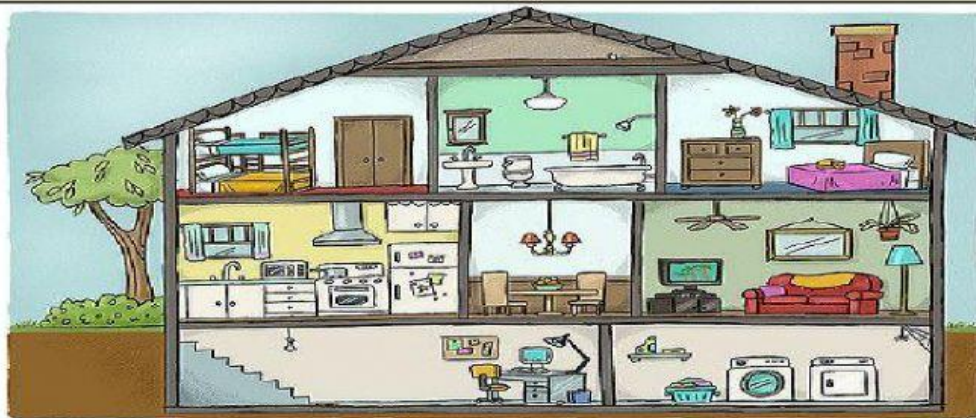
- a bath in the bathroom (?) Is there a bath in the bathroom?
- some shops near our new house (+) _____
- a school in the neighbourhood (?) _____

Task 6: Complete the questions with Is there or Are there. Then write short answers

- _____ many shops in your town? Yes, _____.
- _____ a post office near here? No, _____.
- _____ a table and chairs in the kitchen? Yes, _____.
- _____ any trees in your garden? No, _____.

Task 7: Complete the sentences with the correct prepositions from the box.

near above under in (3) on (3) next to (2) between behind



- The trees are _____ the house.
- The dining room is _____ the living room and the kitchen.
- The kitchen sink is _____ the window.
- The bath is _____ the bathroom.
- The flower vase is _____ the chest of drawers.
- The fridge is _____ the cooker.
- The mirror is _____ the bathroom sink.
- The television is _____ the cupboard _____ the sofa.
- The microwave is _____ the counter _____ the kitchen.
- The washing machine is _____ the dryer _____ the basement.



Unit 2

MY HOME

C. READING

Task 8: Read the text and decide whether the statements are True (T) or False (F)

My dream house is a cottage not far from the sea. On the ground-floor, there are four rooms. The first room is my living room, which has a white sofa, a black armchair and a coffee table. There are lots of paintings and trinkets as well. There is also a lamp, French windows with a view of the garden, television set and a phone in the living room. My dream house has a fully-equipped kitchen, including a fridge and a door to the garden. There is a bathroom with a shower and toilet. There is also a study room where I keep my desk and computer. On the first floor, There are three bedrooms and a bathroom.

1. **T / F** There are 4 rooms in author's house.
2. **T / F** There are grey armchair and a coffee table in the living room.
3. **T / F** There are French windows with a view of the sea.
4. **T / F** The kitchen in the house is fully equipped.
5. **T / F** There are three bedrooms and a bathroom on the first floor.

D. WRITING

Task 9: Use the given words to make complete sentences.

1. house/ a/ Minh/ lake/ a/ lives/ in/ near.

✂

2. yard/ front/ school/ There/ big/ of/ is/ our/ in/ a.

✂

3. many/ right/ the/ museum/ Are/ flowers/ the/ there/ to/ of/?

✂

4. next/ photocopy/ What/ store/ there/ the/ is/ to /?

✂

E. LISTENING

Task 10: Now listen. Which types of houses are described by the four speakers?

House types	Speaker 1	Speaker 2	Speaker 3	Speaker 4
Apartment flat				
Hut				
Castle				
Oak tree house				
Terraced house				
Boathouse				
Cottage				
Detached house				

THE END

REVIEW – UNIT 2

A. Pronunciation

/z/	/s/	/ɪz/
pens	books	watches

B. Voc:

New words	Transcription	Meaning
air conditioner	/e(r) kən'diʃənə(r)/	máy điều hòa nhiệt độ
alarm clock	/ə'la:m klɒk/	đồng hồ báo thức
apartment	/ə'pɑ:tmənt/	căn hộ
attic	/'ætɪk/	gác xép
bathroom	/'bɑ:θru:m/	phòng tắm
bathroom scales	/'bɑ:θru:m skeɪlz/	cân sức khỏe
bedroom	/'bedru:m/	phòng ngủ
blanket	/'blæŋkɪt/	cái chăn
ceiling fan	/'si:lɪŋ fæn/	quạt trần
cellar	/'selə(r)/	tầng hầm
chair	/tʃeər/	cái ghế
chest of drawers	/tʃest əv drɔ:z/	tủ có nhiều ngăn kéo
chimney	/'tʃɪmni/	ống khói
chopsticks	/'tʃɒpstɪks/	đôi đũa
cooker	/'kʊkər/	nồi cơm điện
country house	/'kʌntri haʊs/	biệt thự đồng quê
cupboard	/'kʌbəd/	tủ đựng chén đĩa
curtain	/'kɜ:tn/	rèm cửa
cushion	/'kʊʃn/	đệm
department store	/dɪ'pɑ:tmənt stɔ:(r)/	cửa hàng bách hóa
dining room	/'daɪnɪŋ ru:m/	phòng ăn
dishwasher	/'dɪʃwɒʃər/	máy rửa bát đĩa
fireplace	/'faɪəpleɪs/	lò sưởi
fridge	/frɪdʒ/	tủ lạnh
furniture	/'fɜ:rnɪtʃər/	đồ nội thất
garage	/'gærɑ:ʒ/	nhà để xe
hall	/hɔ:l/	sảnh
kitchen	/'kɪtʃɪn/	nhà bếp
lamp	/læmp/	cái đèn
living room	/'lɪvɪŋ ru:m/	phòng khách
microwave	/'maɪkrəweɪv/	lò vi sóng
move	/mu:v/	di chuyển
pillow	/'pɪləʊ/	cái gối
poster	/'pəʊstər/	tấm áp phích
roof	/ru:f/	mái nhà
sheet	/ʃi:t/	ga trải giường
sink	/sɪŋk/	bồn rửa
sofa	/'səʊfə/	ghế sofa

stilt house	/stilt haʊs/	nhà sàn
stool	/stu:l/	ghế đẩu
television	/'telɪvɪʒən/	tivi

C. Grammar

1. Diễn tả “có” điều gì đó với There is và There are.

	There is	There are
(+)	There is + a/an + Ns	There are + Np
(-)	There isn't + a/an + Ns	There aren't any + Npl
(?)	Is there + a/an + Ns?	Are there any + Npl?

Chú ý: Ns = Danh từ số ít.
Npl = Danh từ số nhiều.

Ví dụ:

- There is a dog in the room.
(Có một chú chó trong phòng.)
- There aren't any notebooks in the school bag.
(Trong cặp không có quyển vở nào.)
- Is there a cat in the house?
(Trong nhà có mèo không?)
- Are there any pupils in the classroom?
(Có học sinh nào trong lớp học không?)

2. Giới từ chỉ địa điểm- Prepositions of place.

1. **at:** ở, tại (at home, at the station, at seaside, at the airport)

2. **In:** trong, ở trong

(In the room/ building/ kitchen/ garden/ restaurant/ office/ park/ pool/ mountains/ sea/ river/ forest/ field/ desert/ village/ town/ country/ city...

Eg: There are 400 seats in the theater/ cinema

(Có 400 chỗ ngồi trong rạp xiếc/ rạp chiếu bóng)

3. **On:** trên, ở trên

(on the table/ carpet/ wall/ ceiling/ blackboard/ screen/ pavement/ door/ shirt/ map/ page)

4. **Obove** (ở trên)

The picture is above the bed. (Bức tranh ở phía trên đầu giường.)

5. **Under** (ở dưới)

The dog is under the table. (Con chó ở dưới cái bàn.)

6. **Below** (ở dưới)

He lives below my flat. (Anh ấy sống ở dưới căn hộ của tôi.)

*Chú ý:

- **under** dùng khi 1 vật ở dưới trực tiếp 1 vật khác
- **below** dùng khi 1 vật ở dưới vật khác nhưng có thể xa và lệch

7. **Between** (ở giữa)

I am standing between my brother and sister. (Mình đang đứng giữa anh trai và chị gái mình.)

8. **Among** (ở giữa)

I couldn't find him among a sea of people. (Tôi không thể tìm thấy anh ấy giữa một biển

người.)

***Chú ý:**

- **between** dùng khi chỉ có 2 đối tượng

- **among** dùng khi có nhiều hơn 2 đối tượng

9. In front of (ở trước)

The tree in front of the house is dying. *(Cây trước nhà đang lụi tàn dần.)*

10. Behind (ở đằng sau)

Do you know the girl behind the door? *(Bạn có biết cô gái đằng sau cánh cửa không?)*

11. Next to (bên cạnh)

The bakery is next to the bookstore. *(Tiệm bánh ở bên cạnh hiệu sách.)*

12. Beside (bên cạnh)

Who is the man standing beside you? *(Người đàn ông đứng cạnh bạn là ai thế?)*

13. Near (gần)

My school is near a park. *(Trường mình gần 1 công viên.)*

14. Opposite (đối diện)

They sat opposite each other. *(Họ ngồi đối diện nhau.)*